

BÁO CÁO
Tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2018

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình Cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 792/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 94/KH-STC ngày 24/01/2018 của Sở Tài chính về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của Sở Tài chính;

Thực hiện 1804/SNV-CCHC ngày 02/11/2018 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang về việc báo cáo tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2018. Theo đó, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tình hình, kết quả triển khai:

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình Cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020, Sở Tài chính đã ban hành kế hoạch số 228/KH-STC ngày 24/3/2016 về cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của Sở Tài chính gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao và thực tế tại đơn vị. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, Trung tâm thuộc đơn vị, bám sát nội dung kế hoạch để chỉ đạo kịp thời, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh hoạt động kiểm tra công vụ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính đầy đủ, đúng thời gian quy định nhằm nâng cao chất lượng giải quyết công việc đối với các tổ chức và cá nhân, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan và đã đạt được nhiều kết quả. Qua đó đã cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả.

- Mục tiêu công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 tại Sở Tài chính, tập trung rà soát, điều chỉnh các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài chính – ngân sách ngày một đơn giản, dễ hiểu, giảm thời gian và chi phí thực hiện cho các tổ chức và người dân trong giải quyết TTHC.

- Tăng cường trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng; đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số trong giải quyết công việc; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ.

- Đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Nâng cao chất lượng phục vụ của CBCC trong giải quyết TTHC.

2. Nhận xét, đánh giá.

a) Kết quả đạt được:

- Căn cứ mục tiêu, định hướng công tác CCHC của giai đoạn làm cơ sở để ban hành kế hoạch thực hiện hàng năm đảm bảo đúng quy định; quy định lộ trình thời gian thực hiện đối với từng năm, từng giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị. Nội dung kế hoạch CCHC được xây dựng đảm bảo đầy đủ nội dung và được triển khai kịp thời ngay từ đầu năm; bên cạnh đó, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra để chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, hạn chế.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC cho CBCC,VC trong cơ quan; đổi mới phương thức quản lý công chức, viên chức trên cơ sở xác định đúng vị trí việc làm; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận “Một cửa” của cơ quan, tăng cường chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương văn hoá công sở, chuẩn mực đạo đức công vụ của đội ngũ CBCC,VC, đặc biệt đối với công chức trực tiếp giải quyết TTHC của đơn vị. Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chuyển đổi vị trí công tác.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của cá nhân và tổ chức trong giao dịch với cơ quan, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, qua đó giảm bớt thời gian, tiết kiệm chi phí và giảm bớt phiền hà trong giải quyết TTHC của các tổ chức và người dân trong giải quyết TTHC tại đơn vị.

b) Hạn chế, khó khăn:

- Mặc dù chất lượng đội ngũ CBCC,VC được nâng lên, tuy nhiên về số lượng biên chế được giao ngày càng giảm, trong khi đó khối lượng công việc được giao ngày càng tăng, nên đã ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết TTHC cho các tổ chức và người dân.

- Công tác phối hợp giải quyết TTHC giữa các cơ quan có liên quan chưa thật sự đồng bộ dẫn đến tình trạng chậm trễ trong giải quyết TTHC của tổ chức và người dân.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2018.

1. Tình hình, kết quả thực hiện.

Căn cứ Quyết định số 792/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2018; Kế hoạch cải cách hành chính 2011-2020 của Chính phủ và Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh ban hành; Sở Tài chính đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch số 94/KH-STC ngày 24/01/2018 về cải cách hành chính năm 2018 của Sở Tài chính với đầy đủ 06 nội dung trọng tâm về cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính để triển khai thực hiện tại đơn vị.

2. Nhận xét, đánh giá:

Căn cứ các nội dung trọng tâm được ban hành trong kế hoạch được triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả nhằm giúp các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh được đảm bảo và đạt chất lượng tốt,

cụ thể: Tổng số các tiêu chí đến nay đã hoàn thành là 45/45 đầu công việc, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Bên cạnh kết quả đạt được cùng còn những tồn tại, khó khăn như đã nêu trên, nên ít nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công tác CCHC tại đơn vị.

III. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, kiểm tra

a) Công tác tổ chức chỉ đạo điều hành:

Căn cứ Quyết định số 792/KH-UBND ngày 29/12/2017 về kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2018; Kế hoạch cải cách hành chính 2011-2020 của Chính phủ và Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh ban hành; Sở Tài chính đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của cơ quan số 94/KH-STC ngày 24/01/2018 phù hợp với Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành đề án xác định chỉ số cải cách hành chính đối với các Sở, Ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang. Kế hoạch được xây dựng đầy đủ với 06 nội dung trọng tâm về cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính; được phân công nhiệm vụ cụ thể đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện và quy định thời gian báo cáo kết quả thực hiện trong công tác cải cách hành chính.

Bám sát kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện các nội dung nhiệm vụ, mục tiêu đã được phân công cụ thể cho các phòng, Trung tâm thuộc đơn vị; Ban Giám đốc Sở đã chỉ đạo kịp thời, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh hoạt động kiểm tra công vụ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính đầy đủ, đúng thời gian quy định. Góp phần thực hiện đạt kết quả tốt kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan. Ngoài ra còn thực hiện xây dựng kế hoạch phổ biến các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính tại các buổi phổ biến giáp dực pháp luật của cơ quan với mục đích nâng cao ý thức chấp hành luật của cán bộ, công chức, viên chức và nội dung, hình thức phổ biến sát với thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm.

- Bên cạnh đó ban hành các kế hoạch về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp trong năm 2018, nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cụ thể: Kế hoạch số 344/KH-STC ngày 27/03/2018 về Phát triển doanh nghiệp năm 2018 của Sở Tài chính; Kế hoạch số 239/KH-STC ngày 26/02/2018 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2018 của Sở Tài chính; Kế hoạch số 431/KH-STC ngày 20/04/2018 triển khai Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2018 của Sở Tài chính. Tiếp tục triển khai hiệu quả việc thực hiện nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công theo Chương trình hành động 147/CTr-UBND ngày 22/04/2015 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh An Giang từ nay đến năm 2020 và cụ thể trong năm 2018, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 211/KH-STC ngày 22/02/2018 về triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị và hành chính công (Chỉ số PAPI) năm 2018 của Sở Tài chính. Kế hoạch số 817/KH-STC ngày 21/6/2018 về

triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19 của Chính phủ và các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2018 và những năm tiếp theo.

b) Về công tác tuyên truyền:

Công tác tuyên truyền thực hiện cải cách hành chính được Sở Tài chính quan tâm chú trọng, đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-STC ngày 30/01/2018 để triển khai quán triệt cho đội ngũ CBCC,VC nâng cao ý thức trách nhiệm và thực hiện tốt công tác CCHC gắn với việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 12/01/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

Công tác tuyên truyền được thực hiện lồng ghép với chương trình triển khai giáo dục pháp luật được tổ chức định kỳ hàng tháng của cơ quan cho toàn thể CBCC,VC nghiên cứu học tập; được nội dung tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử của Sở; tại Website của Sở Tài chính tổ chức bố trí chuyên mục riêng chuyên về công tác “Cải cách hành chính”, nhằm giúp cho các tổ chức và người dân có điều kiện nắm bắt quy trình, thủ tục trong việc thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

Thông qua công tác phổ biến, tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của CBCC,VC về công tác CCHC từ đó đã nhận thức đầy đủ hơn về công tác CCHC, chất lượng, hiệu quả thực hiện được nâng lên qua từng năm trong công tác CCHC tại cơ quan.

c) Công tác kiểm tra, giám sát:

Đã ban hành Kế hoạch số 186/KH-STC ngày 09/02/2018 về kế hoạch khảo sát, kiểm tra công tác CCHC để tổ chức triển khai thực hiện phối hợp với công tác kiểm tra công vụ cơ quan. Việc kiểm tra cải cách hành chính và kiểm tra công vụ được thực hiện định kỳ hàng tháng và đột suất khi có chỉ đạo của Ban Giám đốc Sở; nội dung kiểm tra được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tập trung chủ yếu vào công tác giải quyết TTHC, rà soát, bổ sung, đơn giản hoá TTHC và việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, văn hoá, đạo đức công Sở của CBCC,VC tại các Phòng, Trung tâm. Qua kiểm tra, nhìn chung đa số cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đã nhận thức và chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp, ứng xử, sử dụng thời gian làm việc của CBCC, VC được thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra tình trạng CBCC, VC của cơ quan sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng, uống rượu, bia trong giờ làm việc và đến nay không có phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức đơn vị trong việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

d) Điều tra, khảo sát đánh giá mức độ hài lòng:

Thực hiện Công văn số 284/SNV-CCHC ngày 12/02/2018 của Sở Nội vụ An Giang về việc lập danh sách các đối tượng khảo sát phục vụ công tác điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 cấp Sở, cấp Huyện. Theo đó, Sở Tài chính đã lập danh sách đối tượng khảo sát cấp tỉnh gồm 03 lãnh đạo Sở và 30 cá nhân, tổ chức ngẫu nhiên đã giao dịch, nhận kết quả TTHC tại Bộ phận Một cửa của cơ quan tham gia khảo sát. Đồng thời, trong năm 2018, Sở Tài chính đã tiếp tục gửi Phiếu khảo sát đánh giá mức độ hài lòng đối với việc giải quyết thủ tục hành

chính của đơn vị đến các tổ chức, doanh nghiệp thường xuyên liên hệ công tác. Kết quả thu về đa số các tổ chức, doanh nghiệp đều đánh giá mức độ hài lòng cao đối với công tác giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị.

e) Sáng kiến cải cách hành chính:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, đột phá, chiến lược, là một trong những công cụ quan trọng tác động tích cực đến kết quả hoạt động của cơ quan; đặc biệt công tác chấn chỉnh tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính là yêu cầu khách quan, là nền tảng cần thiết và tiên đề quan trọng trong công tác quản lý, điều hành hiệu quả hoạt động, điều hành của cơ quan. Do đó, Sở Tài chính đã chỉ đạo quyết liệt và đưa ra giải pháp thiết thực nhằm đưa kỷ luật, kỷ cương, văn hoá công sở tại cơ quan đi vào nề nếp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, cụ thể: “*Giải pháp nâng cao tinh thần trách nhiệm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 của Sở Tài chính*”.

(Đính kèm báo cáo sáng kiến năm 2018 của Sở Tài chính)

Qua đó, tinh thần trách nhiệm, ý thức trách nhiệm đội ngũ CBCC,VC của Sở Tài chính trong thời gian qua được nâng lên đáng kể; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế cơ quan, văn hoá, đạo đức công sở chuẩn mực; kết quả, chất lượng giải quyết công việc ngày càng đạt hiệu quả, không còn tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC cho các tổ chức và người dân trễ hạn.

2. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của UBND tỉnh, Sở Tài chính thường xuyên rà soát các quy định pháp luật hiện hành của Trung ương và địa phương liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan và phối hợp với các đơn vị có liên quan để đề xuất UBND tỉnh xây dựng chương trình ban hành Nghị quyết, Quyết định và văn bản quy phạm pháp luật.

- Trong năm 2018 căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý được giao của Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết, Quyết định thuộc các lĩnh vực quản lý, gồm: 02 Nghị quyết; 08 quyết định (07 Quyết định QPPL và 01 Quyết định cá biệt), cụ thể như sau:

+ Nghị quyết số 04/2018/NQ-UBND ngày 19/7/2018 ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh An Giang;

+ Nghị quyết số 10/2018/NQ-UBND ngày 19/7/2018 phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang, có hiệu lực thi hành từ ngày 23/4/2018.

+ Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh An Giang;

+ Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh An Giang;

+ Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh An Giang;

+ Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc thiết bị chuyên dùng trên địa bàn tỉnh An Giang;

+ Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh An Giang;

+ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh quy định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bãi rác kênh 10, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

+ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 bãi bỏ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 và Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 20/2/2017 của UBND tỉnh.

- Đang trình UBND tỉnh các văn bản:

+ Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (*Tờ trình số 666/TTr-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh*);

+ Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi bảo đảm trật tự, an toàn giao thông của huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (*Tờ trình số 666/TTr-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh*);

+ Dự thảo Quyết định quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh An Giang (*Tờ trình số 1581/TTr-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh*);

Thường xuyên tổ chức tự rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL có liên quan đến lĩnh vực quản lý của Sở, các văn bản được rà soát có nội dung phù hợp với Hiến pháp, Luật và các văn bản QPPL khác của cơ quan cấp trên. Văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý được thực hiện đúng quy trình, đúng pháp luật và có tính khả thi cao và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

Trên cơ sở hệ thống văn bản pháp quy phạm pháp luật. Sở Tài chính được giao nhiệm vụ chủ động tham mưu phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng dự thảo văn bản, có sự đầu tư về thời gian, nhân lực soạn thảo thực hiện tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị có liên quan vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trong lĩnh vực quản lý tài chính- ngân sách cơ bản đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật; Nội dung văn bản đã được rà soát phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và các văn bản quy phạm khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản tham mưu cho UBND tỉnh phù hợp với Nghị quyết của HĐND tỉnh và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, địa phương. Về hình thức và kỹ thuật trình bày văn bản đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo Quy định của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3. Cải cách thủ tục hành chính:

a) *Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, kết quả rà soát trong năm 2018:*

+ Công văn số 03/STC-TTr ngày 02/01/2018 về việc rà soát, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2017.

+ Công văn số 1137/STC-TTr ngày 24/05/2018 về việc rà soát Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

+ Công văn số 1286/STC-TTr ngày 11/6/2018 về việc rà soát văn bản quy định cơ chế chính sách điều hành theo Kế hoạch 352/KH-UBND của UBND tỉnh.

+ Công văn số 1829/STC-TTr ngày 06/08/2018 rà soát văn bản do Trung ương ban hành.

+ Tờ trình 1065/TTr-STC ngày 30/7/2018 trình UBND tỉnh đề nghị giao Sở tài chính xây dựng Quyết định của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định 05/2018/QĐ-UBND.

+ Công văn số 2540/STC-TTr ngày 22/10/2018 về tập hợp và rà soát văn bản để phục vụ việc hệ thống hóa kỳ 2014-2018.

+ Báo cáo số 1395/BC-STC ngày 01/10/2018 về kết quả theo dõi tình hình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đồng thời, thường xuyên đánh giá thực trạng và hiệu quả thi hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan để kịp thời chấn chỉnh, giải quyết những vướng mắc, hạn chế trong hoạt động của cơ quan.

(Đính kèm Báo cáo số 1206/BC-STC ngày 28/8/2018 của Sở Tài chính)

b) Công tác rà soát đơn giản hoá thủ tục hành chính:

Đầu năm 2018, Sở Tài chính thực hiện giải quyết 38 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh An Giang; và quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh. Trong năm đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung không phù hợp và kịp thời chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính theo quy định của Bộ Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, kết quả như sau:

+ Trình UBND tỉnh ban hành mới 29 thủ tục và bãi bỏ 06 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, tại các Quyết định sau: Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 03/4/2018; Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 07/5/2018; Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh An Giang công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang; Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang công bố danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh An Giang.

+ Hiện nay đang đề xuất Bộ Tài chính bãi bỏ 02 thủ tục hành chính không còn phù hợp so với quy định hiện hành tại Công văn số 2110/STC-VP ngày 07/9/2018 về việc kết quả thực hiện rà soát quy định, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

+ Trình UBND tỉnh đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính 22/61 thủ tục (các thủ tục còn lại do đã

đề xuất cắt giảm trong năm 2017) được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 31/10/2018.

- Sở Tài chính đã thực hiện rà soát kết quả công khai và điều chỉnh thông tin công khai, công bố thủ tục hành chính qua các hình thức:

c) Về công khai thủ tục hành chính:

Toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính được công khai đầy đủ, rõ ràng, dễ khai thác, dễ sử dụng và được niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả Kết quả tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh, niêm yết tại trụ sở cơ quan và các phòng chuyên môn thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tại địa chỉ: <http://sotaichinh.angiang.gov.vn> và Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

- Công khai địa chỉ, số điện thoại tiếp nhận PAKN của đơn vị được dễ thấy và dễ dàng truy cập tại trang chủ của địa chỉ <http://sotaichinh.angiang.gov.vn>.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan thủ tục hành chính:

Công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến TTHC được Sở Tài chính triển khai tích cực, bố trí hộp thư tiếp nhận và công bố số điện thoại đường dây nóng để thuận tiện cho cá nhân, tổ chức phản ánh những khó khăn trong giải quyết TTHC tại đơn vị; Ngoài ra, còn đăng tải lên cổng thông tin điện tử của cơ quan và thông báo rộng rãi bằng văn bản về “Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử chính phủ” để thông tin, tuyên truyền rộng rãi đến người dân và doanh nghiệp. Từ đầu năm đến nay, Sở Tài chính không có phát sinh tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến giải quyết TTHC.

d) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

Hiện nay, Sở Tài chính có 61/61 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý đang thực hiện (trong đó có 29 TTHC mới ban hành và chuẩn bị đưa vào sử dụng) và niêm yết công khai đúng quy định, đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình, thời gian giải quyết được công khai, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và người dân trong việc giải quyết TTHC. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh về thực hiện việc giám sát và công bố kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ liên quan trực tiếp doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Kết quả giải quyết TTHC:

Cho đến thời điểm báo cáo, kết quả tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa của Sở Tài chính là: 743 hồ sơ (trong đó: tiếp nhận trực tiếp tại bộ phận một cửa là: 223 hồ sơ; tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến là: 520 hồ sơ); các hồ sơ đều được giải quyết kịp thời, không có hồ sơ giải quyết trễ hạn; CBCC chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương, chuẩn mực đạo đức, văn hoá giao tiếp trong thực thi công vụ; chưa có trường hợp vi phạm cần giải quyết hoặc nhắc nhở.

e) Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

Hiện nay, Sở Tài chính đang triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến (internet) cho 20 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, trong đó: mức độ 3 là 13 thủ tục chiếm 65%; mức độ 4 cho 07 thủ tục chiếm 35%

theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của Sở Tài chính năm 2018. Kết quả thực hiện tiếp nhận và trả kết quả Dịch vụ công trực tuyến

- Mức độ 3: 4 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, không có hồ sơ tiếp nhận trực tuyến.
- Mức độ 4: 578 hồ sơ (trong đó có 58 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, 520 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến).

4. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Tình hình sắp xếp, kiện toàn tổ chức của cơ quan:

- Thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với vị trí việc làm và tình hình thực tế của đơn vị, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức theo đúng quy định, trong năm 2018 thực hiện chuyển đổi 03 vị trí công tác của công chức tại các Phòng chuyên môn thuộc Sở.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 19-CTr/TU về đề án sắp xếp, cơ cấu tổ chức tinh gọn bộ máy, đến nay Sở Tài chính đã xây dựng trình UBND tỉnh Đề án số 1414/ĐA- STC ngày 04/10/2018 về sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW và chương trình hành động của tỉnh uỷ theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả; cụ thể, về cơ cấu tổ chức được sắp xếp tinh gọn giảm, theo đó những phòng có chức năng, nhiệm vụ tương đồng và số lượng biên chế không đảm bảo theo quy định, được sắp xếp hợp nhất lại, do vậy số lượng Phòng chuyên môn giảm từ 08 Phòng còn lại 06 Phòng, nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị và đúng chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước.

- Về biên chế: tổng số cán bộ, công chức, viên chức có mặt tại thời điểm báo cáo là 85 người (Sở Tài chính 62 người; Trung tâm Thẩm định và Dịch vụ tài chính 23 người); trong đó có 78 người có trình độ chuyên môn đại học trở lên, 03 người có trình độ trung cấp, trình độ khác 04 người, được bố trí sắp xếp tại các vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực công tác.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thường xuyên quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC,VC; sau khi Đề án vị trí việc làm của Sở được UBND tỉnh phê duyệt Sở Tài chính đã rà soát, cơ cấu đội ngũ CBCC một cách hợp lý, ưu tiên đầu tư phát triển đội ngũ CBCC trẻ có triển vọng, để đào tạo bồi dưỡng thêm trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý để thực thi nhiệm vụ. Từ đầu năm đến nay đã cử 22 lượt CBCC,VC tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ như: Kỹ năng lãnh đạo quản lý, lớp tập huấn thẩm định giá, trình độ lý luận chính trị (chương trình cao cấp và trung cấp), lớp bồi dưỡng, hoàn thiện chương trình chuyên viên và chuyên viên chính. Ngoài ra, đã tổ chức mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý ngân sách, hành chính sự nghiệp, quyết toán dự án hoàn thành, quản lý tài sản công... cho đội ngũ CBCC làm công tác kế toán tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong tỉnh với tổng số tương đương 1.360 người tham dự, qua đó nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBCC làm công tác kế toán trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đạt hiệu quả tốt, đảm bảo đúng chế độ chính sách và các quy định nhà nước, góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan.

6. Cải cách tài chính công

6.1 Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày và Nghị định 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ”:

Thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Đến nay, toàn tỉnh có 428 cơ quan hành chính thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, trong đó:

- Cấp tỉnh: 67 cơ quan
- Cấp huyện: 205 cơ quan
- Cấp xã: 156 cơ quan

Do đặc thù các cơ quan hành chính có nguồn thu ít nên phần lớn kinh phí tiết kiệm được từ dự toán NSNN, các cơ quan quản lý hành chính sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ do được chủ động xây dựng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với đặc điểm của đơn vị cũng như tiêu chuẩn, định mức của nhà nước, một số nội dung chi được chuyển sang phương thức khoán chi phí cá nhân, bộ phận, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, qua đó góp phần tiết kiệm kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức tại đơn vị; Tạo điều kiện để cán bộ, công chức được tham gia quản lý và giám sát việc sử dụng kinh phí một cách hiệu quả; tạo được sự đồng thuận cao trong đa số cán bộ, công chức về thực hiện cơ chế tự chủ.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền tại một số đơn vị chưa sâu rộng trong cán bộ, công chức, nhận thức, quán triệt chủ trương trong một bộ phận CBCC chưa cao, nên hiệu quả mang lại chưa đáng kể; Việc giao biên chế chưa sát với vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, có nơi thừa nhiều biên chế chưa có mặt, có cơ quan không đủ nhân sự, phải phân công kiêm nhiệm, tổ chức làm ngoài giờ để đảm bảo các nhiệm vụ được giao, do đó, kinh phí tiết kiệm trong năm chưa cao.

6.2 Về thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Xây dựng Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với các đơn vị SNCL đủ điều kiện và thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác theo Nghị định quy định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ”:

Theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị SNCL) thì các Bộ ngành Trung ương phải tham mưu cho Chính phủ ban hành 07 Nghị định quy định cơ chế tự chủ và các Thông tư hướng dẫn thuộc từng lĩnh vực, gồm: Y tế; Giáo dục đào tạo; Dạy nghề; Thông tin truyền thông; Văn hóa, thể thao và du lịch; Khoa học và công nghệ; Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Tính đến nay, các Bộ, ngành Trung ương đã tham mưu ban hành 02 Nghị định và các Thông tư hướng dẫn gồm:

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 về quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Riêng đối với lĩnh vực y tế, đang thực hiện theo Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính Phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập. Đến nay, Trung ương vẫn chưa có hướng dẫn sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Như vậy còn lại 05 lĩnh vực chưa ban hành gồm: Y tế; Giáo dục đào tạo; Dạy nghề; thông tin truyền thông; văn hóa, thể thao và du lịch.

Kết quả thực hiện năm 2018:

a) Về tham mưu ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ:

Từ các quy định của Bộ, ngành Trung ương và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL, đến nay Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh:

- Ban hành 24/31 Quyết định phê duyệt quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp của các Sở, ngành cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp trực thuộc;

- Ban hành 11/31 Quyết định phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN của Sở, ngành cấp tỉnh.

- Ban hành 01 Quyết định phê duyệt tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Khoa học Công nghệ của Sở Khoa học Công nghệ.

- Ban hành 03 Quyết định về Phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp cho 03 đơn vị SNCL trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

- Ban hành 05 Thông báo đơn vị SNCL đủ điều kiện xác định giá trị tài sản để giao đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

- Ban hành 16 Quyết định giao tài sản cho đơn vị SNCL cấp tỉnh đã đủ điều kiện xác định giá trị tài sản để giao đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (TSNN) và Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng TSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập;

- Ban hành 05 Quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của các đơn vị SNCL theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

b) Về chuyển đổi loại hình tự chủ của đơn vị SNCL:

Năm 2018, đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn thẩm định, tham mưu UBND tỉnh quyết định phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2018-2021, chuyển đổi các đơn vị SNCL từ loại hình nhận hỗ trợ từ NSNN sang loại hình tự đảm bảo chi thường xuyên của 03 đơn vị SNCL gồm: Trường Cao đẳng y tế An Giang; Bệnh viện Đa khoa Khu vực thị xã Tân Châu và Trung tâm Chăm Sóc Sức Khỏe Sinh Sản. Theo đó, đã giảm chi NSNN hỗ trợ hoạt động thường xuyên trên 04 tỷ đồng.

c) Về chuyển đổi đơn vị SNCL thành công ty cổ phần:

Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về chuyển đổi đơn vị SNCL thành công ty cổ phần và Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, Sở Tài chính đã phối hợp với các Sở, ngành có liên quan rà soát, đề xuất danh mục các đơn vị SNCL có đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đơn vị SNCL chuyển thành công ty cổ phần tỉnh An Giang tại Công văn số 945/UBND-KTTH ngày 31/8/2018.

d) Về xây dựng Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp:

Đến nay, có 03 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc loại hình tự chủ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, gồm:

+ Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Giao thông vận tải An Giang;

+ Quyết định số 3559/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ;

+ Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với Bến xe khách Châu Đốc;

Các đơn vị SNCL còn lại chưa đủ điều kiện chuyển đổi vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3 Về tham mưu ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên các lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh:

STT	Tên Nghị quyết/ Quyết định	Số, ngày ban hành
I	Văn bản QPPL đã tham mưu ban hành	
1	Về việc bãi bỏ Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND về chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh AG	01/2018/QĐ-UBND Ngày 22/01/2018

STT	Tên Nghị quyết/ Quyết định	Số, ngày ban hành
2	Về việc bãi bỏ quy định về phí thư viện tại Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh	03/2018/QĐ-UBND Ngày 23/01/2018
3	Về việc Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh	04/2018/QĐ-UBND Ngày 31/01/2018
4	Quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh	NQ số 01/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
5	Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ số 02/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
6	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ số 03/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
7	Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ số 05/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
8	Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
9	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ số 07/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
10	Quy định chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh AG	NQ số 08/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
11	Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2018-2019 trên địa bàn tỉnh AG	NQ số 11/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
12	Quy định mức chi đảm bảo hoạt động của Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018
II	Các nội dung đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2018	
1	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang	Tờ trình số 653/TTr-UBND ngày 25/10/2018

STT	Tên Nghị quyết/ Quyết định	Số, ngày ban hành
2	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh AG	Tờ trình số 654/TTr-UBND ngày 25/10/2018
3	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh AG	Tờ trình số 655/TTr-UBND ngày 25/10/2018
4	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh AG	Tờ trình số 656/TTr-UBND ngày 25/10/2018
5	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh AG	Tờ trình số 657/TTr-UBND ngày 25/10/2018
6	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Tờ trình số 658/TTr-UBND ngày 25/10/2018
7	Quy định nội dung và mức chi đảm bảo cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang	Tờ trình số 665/TTr-UBND ngày 26/10/2018

7. Hiện đại hóa hành chính

a) Tình hình triển khai và kết quả ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan:

Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch số 153/KH-STC ngày 02/02/2018 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 như sau:

- Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho 20/38 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh là <http://motcua.angiang.gov.vn>; đến nay đã tiếp nhận được tổng số 578 hồ sơ trực tuyến mức độ 4 (trong đó có 58 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp), đạt tỷ lệ cao trên 90% và đạt yêu cầu trên 35% đối với hồ sơ tiếp nhận ở mức độ 4. Tuy nhiên, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 chưa đạt yêu cầu (04 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, không có hồ sơ tiếp nhận trực tuyến), lý do người dân vẫn còn thói quen gửi hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Tích cực phát huy việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC bằng dịch vụ bưu chính công ích đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, nhằm rút ngắn thời gian xử lý, đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các đơn vị có quan hệ với ngân sách, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh bạch hơn.

- Công khai ngân sách theo quy định trên Cổng Thông tin điện tử của Sở, thường xuyên công khai số liệu, tài liệu về ngân sách và các thông tin có liên quan để hoạt động của ngành tài chính minh bạch hơn, đáp ứng kịp thời thông tin cho doanh nghiệp nghiên cứu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

- Đưa vào vận hành 03 phần mềm ứng dụng (quyết toán dự án hoàn thành, quản lý giá và theo dõi kết quả thực hiện thanh tra, kiểm tra) nhằm hỗ trợ CBCC các phòng chuyên môn trong công tác quản lý, tham mưu đề xuất kết quả tốt hơn.

b) Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 2001:2008:

Sở Tài chính thực hiện ổn định và duy trì việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 2001:2008 theo Quyết định số 1655/QĐ-STC ngày 12/12/2016 của Sở Tài chính tỉnh An Giang về việc phê chuẩn công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

c) Tình hình xây dựng trụ sở cơ quan:

Cơ sở làm việc của Sở Tài chính đảm bảo đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định của nhà nước. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, năm 2018 Sở Tài chính đã thực hiện lộ trình sửa chữa trụ sở cơ quan được phê duyệt tại Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tài chính, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo đúng quy định.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Kết quả đạt được:

- BGD Sở triển khai thực hiện đúng các quy định về công tác cải cách hành chính theo kế hoạch của UBND tỉnh. Kịp thời triển khai đến toàn thể CBCC,VC trong cơ quan các quy định về công tác CCHC; Chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương và đến nay không có phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức đơn vị trong việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.

- Thực hiện tốt nguyên tắc công khai, minh bạch và công tác phối hợp giữa các bộ phận và cơ quan với nhau đã đem lại những hiệu quả tích cực.

- Chính sách phụ cấp đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có tác dụng tích cực góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, tránh tình trạng nhũn nhũn.

- Triển khai có hiệu quả về ứng dụng CNTT trong xử lý nghiệp vụ.

- Trong thời gian qua, các đơn vị SNCL được giao quyền tự chủ tài chính đã sử dụng có hiệu quả nguồn NSNN giao, giá một số loại dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước quản lý được từng bước cơ cấu đầy đủ các khoản tiền lương, phụ cấp, chi phí,...tạo điều kiện cho đơn vị SNCL tăng nguồn thu, chủ động mở rộng các loại hình dịch vụ và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và tạo điều kiện cho người dân ngày càng có nhiều cơ hội được lựa chọn, tiếp cận với dịch vụ có chất lượng cao (khám chữa bệnh, đào tạo, dạy nghề,...).

Các cơ quan quản lý nhà nước, Sở ngành chủ quản đã quan tâm tạo điều kiện cho đơn vị SNCL thực hiện kiểm soát chi tiêu nội bộ, sử dụng kinh phí có hiệu quả gắn với

chất lượng công việc; chủ động dành phần lớn kinh phí tiết kiệm được hằng năm để bổ sung Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp, mở rộng đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; thu nhập cho viên chức người lao động trong đơn vị từng bước được cải thiện,...

2. Hạn chế, khó khăn:

Công tác tự kiểm tra nội bộ mặc dù có triển khai, tuy nhiên chưa thực hiện thường xuyên, quyết liệt, từ đó vẫn còn một số CBCC, VC chấp hành chưa nghiêm túc về nội quy, quy chế cơ quan. Công tác tham mưu đề xuất cho Lãnh đạo cơ quan ở một số CBCC, VC còn chậm.

Việc đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị SNCL và đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công ở nhiều lĩnh vực còn chậm, số lượng đơn vị chuyển đổi từ loại hình có nhận hỗ trợ từ NSNN sang loại hình tự đảm bảo kinh phí chưa nhiều. Phần lớn các đơn vị sự nghiệp chưa thực sự chủ động trong công tác đổi mới, chưa phát huy có hiệu quả tiềm năng sẵn có, chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội để phát triển dịch vụ sự nghiệp công, chưa đảm bảo khả năng ổn định về tài chính. Trong giai đoạn chuyển đổi sang loại hình tự đảm bảo chi thường xuyên, các đơn vị vẫn còn kiến nghị NSNN hỗ trợ kinh phí trong 02 năm đầu chuyển đổi. Do đó việc giảm chi hỗ trợ từ NSNN không nhiều.

3. Giải pháp khắc phục:

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ cơ quan thường xuyên, nghiêm túc hơn nữa để việc chấp hành nội quy, quy chế cơ quan được đảm bảo, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong xử lý công việc được giao.

Tiếp tục quan tâm, duy trì việc chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương, cải cách chế độ công vụ nhằm kịp thời chấn chỉnh những trường hợp vi phạm giờ giấc làm việc, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ trong công tác giải quyết TTHC tại đơn vị.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh và Kế hoạch cải cách hành chính năm tiếp theo.

2. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính; Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC và chấp hành kỷ luật, kỷ cương của CBCC, VC.

3. Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019.

4. Tiếp tục rà soát tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện việc sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định.

5. Duy trì thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí theo các Nghị định của Chính phủ. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị SNCL đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL theo định hướng gắn với việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị SNCL

trực thuộc theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 11/9/2018 của Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết 19-NQ-TW, ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành TW khóa XII về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" và Đề án số 05/ĐA/TU ngày 12/9/2018 của Tỉnh ủy An Giang về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Thường xuyên thực hiện việc rà soát, kiến nghị để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại các kỳ họp HĐND đề bãi bỏ và ban hành mới các loại phí, lệ phí và các mức chi đặc thù áp dụng trên địa bàn tỉnh đúng theo quy định tại luật phí, lệ phí.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 của Sở Tài chính gửi Sở Nội vụ để tổng hợp./*ty*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Các Phòng, T.tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Điền Tân